

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÔN NGỮ NHẬT**

1. Ngôn ngữ Nhật định hướng nghiên cứu

2. Ngôn ngữ Nhật định hướng ứng dụng

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ NHẬT
MÃ SỐ: 8220209NC

*(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Nhật

Tiếng Anh: Japanese Linguistics

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220209NC

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Nhật

Tiếng Anh: Japanese Linguistics

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Nhật, tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nhật

Tiếng Anh: The Degree of Master in Japanese Linguistics

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

PO1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ, văn hóa Nhật Bản và các khoa học có liên quan, có hiểu biết rộng về bối cảnh nghiên cứu và các vấn đề có liên quan; bồi dưỡng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy phê phán và hệ thống các kỹ năng nghiên cứu

cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng. Chương trình đào tạo những nhà chuyên môn có kiến thức liên ngành, kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học ngoại ngữ và các khoa học có liên quan; có năng lực cơ bản về nghiên cứu khoa học, có tính linh hoạt và có năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kĩ bổ trợ như kĩ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng xây dựng và phát triển các hướng nghiên cứu mới, tích lũy những phẩm chất và kĩ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

PO2. Đào tạo người học có đủ kiến thức, kỹ năng tiếp tục tự học, trau dồi những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để tiếp tục theo học bậc tiến sĩ ở các trường Đại học hàng đầu trên thế giới, trở thành chuyên gia nghiên cứu trong các dự án liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa của các tổ chức quốc tế, đảm đương vị trí chuyên gia hoặc cán bộ quản lý, lãnh đạo chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

PO3. Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến về ngôn ngữ học tiếng Nhật và các khoa học có liên quan; mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản để sau khi tốt nghiệp học viên có thể vận dụng một cách chủ động, sáng tạo tự kiến tạo cho mình khối kiến thức nền tảng và chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hóa trong thực tiễn nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản. Chương trình còn cung cấp hệ thống các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, quốc tế học, ...

PO4. Chương trình giúp học viên nắm vững một cách có hệ thống, hiểu sâu, chính xác và vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên ngành để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự phát hiện tại các diễn đàn khoa học (KH), tới đông đảo độc giả và người học; có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin KH mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới v.v.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5. Chương trình giúp học viên phát triển và cập nhật kỹ năng thiết kế nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế, kỹ năng giảng dạy tiếng Nhật ở trình độ cao hoặc giảng dạy tiếng Nhật chuyên ngành tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng.

PO6. Chương trình giúp học viên phát triển các kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học

trong lĩnh vực liên quan đến vị trí công việc đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch ở trình độ cao, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ.

2.2.3. Về nghiên cứu

PO7. Chương trình phát triển cho học viên năng lực vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư vấn, quản lý, giảng dạy, tổ chức; có năng lực nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Nhật - Việt, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giao tiếp giao văn hóa Nhật – Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Nhật, nghiên cứu ngôn ngữ học Nhật Bản để ứng dụng trong dịch máy và các ứng dụng khác tại Việt Nam. Chương trình giúp học viên có thể tự định hướng, xác định hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Nhật, có khả năng phát triển các khái niệm lý thuyết, khả năng xây dựng và phát triển các đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng mới phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

2.2.4. Mức độ tự chủ, trách nhiệm:

PO8. Chương trình cung cấp cho người học các công cụ trí tuệ và cảm xúc giúp học viên phát triển năng lực tự chủ trong nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp và đưa ra những sáng kiến quan trọng và những kết luận mang tính chuyên gia nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Nhật và trong các lĩnh vực công việc có liên quan.

PO9. Chương trình giúp học viên phát triển năng lực tự học, tự đổi mới, tự định hướng và năng lực hướng dẫn người khác để thích nghi với những biến đổi không ngừng của môi trường đa văn hoá. Có năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PO10. Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Bảng ma trận đối sánh mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo									
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
PLO1	x	x								x
PLO2	x	x	x		x	x		x	x	x
PLO3		x	x		x	x	x	x		x
PLO4		x			x	x	x	x		
PLO5	x	x	x		x	x	x	x		x
PLO6		x	x		x		x	x	x	x
PLO7		x			x	x		x	x	x
PLO8		x	x		x		x			x
PLO9		x	x			x	x		x	x
PLO10		x	x		x	x	x	x		x
PLO11		x	x			x	x			x

PLO12				X	X		X			
PLO13										
PLO14		X			X	X	X	X		X
PLO15	X	X	X		X		X	X		X
PLO16			X			X	X		X	X
PLO17	X	X	X		X	X	X	X		X
PLO18	X	X	X				X	X	X	X
PLO19	X	X	X			X	X	X	X	X
PLO20	X	X	X						X	X

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẠC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ NHẬT (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT	MT chung		Kiến thức		Kỹ năng		NC	Mức TC&TN		
Nội dung CDR	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
1. Kiến thức										
1.1 Kiến thức chung										
PLO1. Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu.	4	4	4	4	4	4	4	4	4	x
PLO2. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	4	4	4	4	4	5	4	5	5	x
1.2 Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành										
PLO3. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như dịch thuật, biên tập viên, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	4	5	5	4	5	4	5	5	4	x
PLO4. Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Nhật, ngôn ngữ học đối chiếu, tiếng Nhật học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.										
1.3 Kiến thức của ngành / chuyên ngành										
PLO5. Vận dụng linh hoạt kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x

PLO6. Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Nhật nói riêng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao.	4	5	5	4	5	4	5	5	4	x
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng										
2.1 Kỹ năng chuyên môn										
PLO7. Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO8. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO9. Vận dụng chính xác và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO10. Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO11. Sử dụng thành thạo tiếng Nhật tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO12. Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.							4			x

2.2. Kỹ năng khác										
PLO13. Sử dụng phối hợp thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO14. Xây dựng kỹ năng chuyên sâu trong việc phân tích, tổng hợp và đánh giá, phân biện các vấn đề ngôn ngữ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO15. Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động nghiệp vụ, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm										
PLO16. Chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO18. Tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x
PLO17. Độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Nhật, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
PLO219. Chủ động dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x
4. Về phẩm chất đạo đức										
PLO20. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, , năng động, sáng tạo, có ý thức phục vụ cộng đồng và xã hội đáp	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x

ứng yêu cầu phát triển của đất nước.										
--------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Nhật

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Nhật

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Nhật hoặc Sư phạm tiếng Nhật.

- Tốt nghiệp đại học ngành Nhật Bản học. Người dự thi thuộc đối tượng này phải có ít nhất một năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực hành chính, quản trị văn phòng (kể cả người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên) và hoàn thành qua một chương trình bổ túc kiến thức do Trường Đại học Ngoại ngữ quy định (6 tín chỉ).

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

3.6. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức cho ngành gần:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3
2	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	PLO 19	PLO 20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4						4		4	x	x	x	x	x
OLC6001	Ngôn ngữ học đại cương					4		4	4	4		5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6002	Ngôn ngữ học đối chiếu	3				4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6003	Những vấn đề về ngữ pháp tiếng Nhật	3		5				4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6005	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành tiếng Nhật khoa học							4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x
OLC6004	Từ vựng học tiếng Nhật	3				4	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6006	Giao tiếp giao văn hóa Nhật –Việt	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6018	Nhật Bản học	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6020	Nghiên cứu dịch thuật			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6007	Kỹ thuật nói tiếng Nhật			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6008	Kỹ thuật viết tiếng Nhật			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6015	Tiếng Nhật chuyên ngành		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
OLC6016	Văn học Nhật Bản			5			4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6017	Những vấn đề về giáo học pháp tiếng Nhật				5	5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
GLE6001	Giáo dục cách tân		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x

GLE6003	Thiết kế cuộc đời		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
OLC6011	Hán tự trong tiếng Nhật				4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6013	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học tiếng Nhật					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6009	Ngữ dụng học tiếng Nhật					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6010	Ngữ nghĩa học tiếng Nhật					5	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6014	Thành ngữ và thành ngữ học t iếng Nhật			4		5	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6019	Tiếng Nhật học thuật		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
OLC6021	Ngôn ngữ học xã hội Nhật Bản	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6012	Lịch sử tiếng Nhật			5	4	4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
STJ 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
STJ 6002	Các cách diễn đạt lịch sự trong tiếng Nhật	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
STJ 6003	Nghiên cứu ngôn ngữ học đại cương	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
STJ 6004	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
STJ 6005	Nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
	Luận văn thạc sỹ	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
		Kiến thức									Kỹ năng						Tự chủ						

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO1. Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu.

PLO2. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

PLO3. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như dịch thuật, biên tập viên, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

PLO4. Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Nhật, ngôn ngữ học đối chiếu, tiếng Nhật học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

PLO5. Vận dụng linh hoạt kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.

PLO6. Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Nhật nói riêng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao.

PLO7. Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sỹ trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật Bản định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học Nhật Bản, trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch ... và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ v.v..

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học Nhật Bản, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Nhật hoặc đối chiếu ngôn ngữ Nhật với một ngôn ngữ khác, chủ yếu là với tiếng Việt, được Tiểu ban Ngôn ngữ Nhật Bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Nhật và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và

nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng 9 tín chỉ (khoảng 50 trang A4 hoặc 12.500 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO8. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

PLO9. Vận dụng chính xác và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

PLO10. Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

PLO11. Sử dụng thành thạo tiếng Nhật tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

PLO12. Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

PLO13. Sử dụng phối hợp thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

PLO14. Xây dựng kỹ năng chuyên sâu trong việc phân tích, tổng hợp và đánh giá, phân biệt các vấn đề ngôn ngữ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới.

PLO15. Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động nghiệp vụ, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO16. Chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

PLO17. Độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Nhật, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

PLO18. Tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

PLO219. Chủ động dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

PLO20. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, , năng động, sáng tạo, có ý thức phục vụ cộng đồng và xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác tại các cơ quan, viện nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến Ngôn ngữ Nhật Bản như cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành ngôn ngữ hoặc chuyên ngành ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu viên, biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Nhật tại các đơn vị trong và ngoài nhà nước; chuyên gia tư vấn thiết kế chương trình dịch thuật tự động; giảng viên tiếng Nhật tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Nhật chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; giáo viên tiếng Nhật tại các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; v.v...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật - định hướng nghiên cứu, học viên có khả năng:

- Tự học tập, tự tìm tòi và nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Nhật, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

- Có thể học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Nhật, Sư phạm tiếng Nhật và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Nhật để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **04 tín chỉ**
- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **18 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: 12 tín chỉ
 - + Lựa chọn: 06 tín chỉ /24 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: **09 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: 06 tín chỉ
 - + Lựa chọn: 03 tín chỉ / 15 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **30 tín chỉ**
 - + Chuyên đề nghiên cứu (05 chuyên đề): 15 tín chỉ
 - + Học phần tốt nghiệp: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II		Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành	18				
II.1		Các học phần bắt buộc: 04 HP	12				
2.	OLC6001	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Nhật) (General Linguistics (Japanese))	3	45	0	0	
3.	OLC6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Nhật) (Contrastive Linguistics (Japanese))	3	45	0	0	
4.	OLC6003	Những vấn đề về ngữ pháp tiếng Nhật (Issues in Japanese Grammar)	3	36	9	0	
5.	OLC6004	Từ vựng học tiếng Nhật (Japanese Lexicology)	3	36	9	0	
II.2		Chuyên đề và học phần tự chọn: 02 HP	6/24				
6.	OLC6006	Giao tiếp giao văn hóa Nhật –Việt (Japanese - Vietnamese cross-culture communication)	3	45	0	0	
7.	OLC6005	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành tiếng Nhật khoa học (Research Methods and Academic Japanese)	3	45	0	0	
8.	OLC6018	Nhật Bản học (Japanese Studies)	3	45	0	0	
9.	OLC6020	Nghiên cứu dịch thuật (Research on Translation and Interpretation)	3	45	0	0	
10.	OLC6007	Kỹ thuật nói tiếng Nhật (Japanese Speaking Techniques)					
11.	OLC6008	Kỹ thuật viết tiếng Nhật (Japanese Writing Techniques)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
12.	OLC6015	Tiếng Nhật chuyên ngành (<i>Japanese for Specific Purposes</i>)	3	45	0	0	
13.	OLC6016	Văn học Nhật Bản (<i>Japanese Literature</i>)	3	45	0	0	
14.	OLC6017	Những vấn đề về giáo học pháp tiếng Nhật (<i>Issues in Japanese teaching methods</i>)	3	45	0	0	
15.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
16.	GLE 6001	Giáo dục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
17.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
18.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Designing Your Life</i>)	3	45	0	0	
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành		9				
III.1	Các học phần bắt buộc: 02 HP		6				
19.	OLC6011	Hán tự trong tiếng Nhật (<i>Chinese characters in Japanese</i>)	3	45	0	0	
20.	OLC6013	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học tiếng Nhật (<i>Principles of Phonetics and Phonology of Japanese</i>)	3	45	0	0	
III.2	Các học phần tự chọn: 01 HP		3/15				
21.	OLC6009	Ngữ dụng học tiếng Nhật (<i>Japanese Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
22.	OLC6010	Ngữ nghĩa học tiếng Nhật (<i>Japanese Semantics</i>)	3	45	0	0	
23.	OLC6014	Thành ngữ và thành ngữ học tiếng Nhật (<i>Japanese idioms and idiom studies</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24.	OLC6019	Tiếng Nhật học thuật (<i>Academic Japanese</i>)	3	45	0	0	
25.	OLC6021	Ngôn ngữ học xã hội Nhật Bản (<i>Japanese Social Linguistics</i>)	3	45	0	0	
26.	OLC6012	Lịch sử tiếng Nhật (<i>History of the Japanese Language</i>)	3	45	0	0	
IV	Nghiên cứu khoa học		30				
IV.1	Chuyên đề nghiên cứu (05 chuyên đề)		15				
27.	STJ 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)	3	45	0	0	
28.	STJ 6002	Các cách diễn đạt lịch sự trong tiếng Nhật 待遇表現	3	45	0	0	
29.	STJ 6003	Nghiên cứu ngôn ngữ học đại cương 一般言語学研究	3	45	0	0	
30.	STJ 6004	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai 第二言語習得	3	45	0	0	
31.	STJ 6005	Nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng 応用言語学研究	3	45	0	0	
IV.2	Học phần tốt nghiệp						
	OLC 7202	Luận văn thạc sỹ	15				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ NHẬT
MÃ SỐ: 8220209

*(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Nhật

Tiếng Anh: Japanese Linguistics

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220209UD

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên ngành đào tạo:

Tiếng Việt: Ngôn ngữ Nhật

Tiếng Anh: Japanese Linguistics

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Nhật, tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Nhật

Tiếng Anh: The Degree of Master in Japanese Linguistics

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

PO1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật định hướng ứng dụng đặt trọng tâm vào việc đào tạo những nhà chuyên môn có kiến thức nâng cao về ngôn ngữ học Nhật Bản và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng

và cập nhật về ngôn ngữ và văn hoá Nhật Bản (trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại), có kỹ năng nghiệp vụ tốt và có thể vận dụng các kỹ năng đó một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước; có các năng lực cơ bản, có các kỹ năng bổ trợ (như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm...); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước và quốc tế; có kiến thức rộng về xã hội - văn hóa.

PO2. Đào tạo người học có đủ kiến thức, kỹ năng tiếp tục tự học, trau dồi những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để đảm đương vị trí chuyên gia hoặc cán bộ quản lý, lãnh đạo chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn của mình hoặc tiếp tục theo học bậc tiến sĩ ở các trường đại học hàng đầu trên thế giới, trở thành chuyên gia nghiên cứu trong các dự án liên quan đến ngôn ngữ và văn hoá của các tổ chức quốc tế.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

PO3. Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Nhật và các khoa học có liên quan; mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá Nhật Bản để sau khi tốt nghiệp học viên có thể vận dụng các kiến thức đó một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến ngôn ngữ học Nhật Bản và Nhật Bản học, ví dụ như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên v.v..trong các cơ quan trung ương và địa phương; cán bộ trong các ngành khoa học, các ngành báo chí - truyền thông, các ngành liên quan đến phim ảnh – nghệ thuật, các công ty tổ chức sự kiện, các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, các cơ sở đào tạo tiếng Nhật và quốc tế học v.v..

PO4. Chương trình giúp học viên nắm vững một cách có hệ thống, hiểu sâu, chính xác và vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên ngành để có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự phát hiện tại các diễn đàn khoa học (KH), tới đông đảo độc giả và người học; có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin KH mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới v.v.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5. Chương trình giúp học viên phát triển các kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong lĩnh vực liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch ở trình độ cao, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, kỹ năng thiết kế hệ thống nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế, kỹ năng giảng dạy tiếng Nhật ở trình độ cao hoặc giảng dạy tiếng Nhật chuyên ngành tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng.

PO6. Chương trình giúp học viên phát triển các kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học trong lĩnh vực liên quan đến trong công tác nghiên cứu hoặc các vị trí công việc đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch ở trình độ cao, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ.

2.2.3. Về nghiên cứu

PO7. Chương trình phát triển cho học viên năng lực vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư vấn, quản lý, giảng dạy, tổ chức; có năng lực nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Nhật - Việt, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giao tiếp giao văn hóa Nhật – Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Nhật, nghiên cứu ngôn ngữ học Nhật Bản để ứng dụng trong dịch máy và các ứng dụng khác tại Việt Nam.

2.2.4. Mức độ tự chủ, trách nhiệm:

PO8. Chương trình cung cấp cho người học các công cụ trí tuệ và cảm xúc giúp học viên phát triển năng lực tự chủ trong nghiên cứu, thực hành nghề nghiệp và đưa ra những sáng kiến quan trọng và những kết luận mang tính chuyên gia nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Nhật và trong các lĩnh vực công việc có liên quan.

PO9. Chương trình giúp học viên phát triển năng lực tự học, tự đổi mới, tự định hướng và năng lực hướng dẫn người khác để thích nghi với những biến đổi không ngừng của môi trường đa văn hoá. Có năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PO10. Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Bảng ma trận đối sánh mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo									
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
PLO1	x	x								x
PLO2	x	x	x		x	x		x	x	x
PLO3		x	x		x	x	x	x		x
PLO4		x				x	x	x		
PLO5	x	x	x		x	x	x	x		x
PLO6		x	x		x	x	x	x	x	x
PLO7		x			x	x		x	x	x
PLO8		x	x		x	x	x			x
PLO9		x	x		x		x		x	x
PLO10		x	x			x	x	x		x
PLO11		x	x	x			x			x
PLO12					x	x	x			
PLO13										
PLO14		x				x	x	x		x
PLO15	x	x	x		x	x	x	x		x
PLO16			x		x		x		x	x
PLO17	x	x	x		x	x	x	x		x
PLO18	x	x	x				x	x	x	x
PLO19	x	x	x		x		x	x	x	x
PLO20	x	x	x		x				x	x

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MÔI TRƯỜNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ NHẬT (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Chuẩn đầu ra của CTĐT	MT chung		Kiến thức		Kỹ năng		NC	Mức tự chủ và trách nhiệm		
Nội dung CDR	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
1. Kiến thức										
1.1. Kiến thức chung										
PLO 1. Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x
PLO 2. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	4	4	4	4	4	5	4	x	x	x
1.2 Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành										
PLO 3. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như dịch thuật, biên tập viên, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	4	5	5	4	5	4	5	x	x	x
PLO 4. Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn	4	5	5	4	5	4	5	x	x	

ngữ học Nhật, ngôn ngữ học đối chiếu, tiếng Nhật học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.										
1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành										
PLO 5. Vận dụng linh hoạt kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	
PLO 6. Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Nhật nói riêng để cho đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao.	4	5	5	4	5	4	5	x	x	
2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng										
2.1 Kỹ năng chuyên môn										
PLO 7. Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	
PLO 8. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x

PLO 9. Vận dụng chính xác và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x
PLO 10. Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nhật tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x
PLO 11. Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.							4	x	x	x
PLO 12. Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x
2.2. Kỹ năng khác										
PLO 13. Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x

việc học tập, nghiên cứu.										
PLO 14. Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x
3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm										
PLO 15. Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x
PLO 16. Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x
PLO 17. Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Nhật, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên	4	4	5	4	4	5	4	x	x	x

dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...										
PLO 18. Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.	5	5	5	5	5	5	5	x	x	
PLO 19. Có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x
4. Về phẩm chất đạo đức										
PLO20. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, , năng động, sáng tạo, có ý thức phục vụ cộng đồng và xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Nhật

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Nhật

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Nhật hoặc Sư phạm tiếng Nhật.

-- Tốt nghiệp đại học ngành Nhật Bản học. Người dự thi thuộc đối tượng này phải có ít nhất một năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực hành chính, quản trị văn phòng (kể cả người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên) và hoàn thành qua một chương trình bồi túc kiến thức do Trường Đại học Ngoại ngữ quy định (6 tín chỉ).

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức cho ngành gần

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3
2	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	P O8	PO9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 11	PO 12	PO 13	P14	PO1 5	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19	PO 20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4						4		4	x	x	x	x	x
	Ngoại ngữ B2							4	4	4			4		4	4		4	x	x	x	x	x
OLC6001	Ngôn ngữ học đại cương					4		4	4	4		5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6002	Ngôn ngữ học đối chiếu	3				4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6003	Những vấn đề về ngữ pháp tiếng Nhật	3		5				4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6004	Từ vựng học tiếng Nhật	3				4	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6005	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành tiếng Nhật khoa học							4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x
OLC6006	Giao tiếp giao văn hóa Nhật –Việt	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6018	Nhật Bản học	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6020	Nghiên cứu dịch thuật			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6007	Kỹ thuật nói tiếng Nhật			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6008	Kỹ thuật viết tiếng Nhật			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6015	Tiếng Nhật chuyên ngành		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
OLC6016	Văn học Nhật Bản			5			4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6017	Những vấn đề về giáo học pháp tiếng Nhật				5	5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
PSF6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
GLE6001	Giáo dục cách tân		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x

GLE6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
GLE6003	Thiết kế cuộc đời		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
OLC6010	Ngữ nghĩa học tiếng Nhật					5	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6011	Hán tự trong tiếng Nhật				4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6013	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học tiếng Nhật					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6009	Ngữ dụng học tiếng Nhật					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6014	Thành ngữ và thành ngữ học tiếng Nhật			4		5	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6019	Tiếng Nhật học thuật		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
OLC6021	Ngôn ngữ học xã hội Nhật Bản	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
OLC6012	Lịch sử tiếng Nhật			5	4	4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
PJL 6001	Ngôn ngữ học ứng dụng trong thực tiễn	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
PJL 6002	Thiết kế và thực hành nghiên cứu	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
OLC7201	HP tốt nghiệp / Đề án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
		Kiến thức							Kỹ năng							Tự chủ							

B. CHUẨN ĐẦU RA

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO1. Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu.

PLO2. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

PLO3. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như dịch thuật, biên tập viên, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

PLO4. Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Nhật, ngôn ngữ học đối chiếu, tiếng Nhật học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

PLO5. Vận dụng linh hoạt kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.

PLO6. Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Nhật nói riêng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao.

PLO7. Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

1.4. Yêu cầu đối với đề án

Luận văn thạc sỹ trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật Bản định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học Nhật Bản, trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch ... và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ v.v..

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học Nhật Bản, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Nhật hoặc đối chiếu ngôn ngữ Nhật với một ngôn ngữ khác, chủ yếu là với tiếng Việt, được Tiểu ban Ngôn ngữ Nhật Bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Nhật và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sỹ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng 9 tín chỉ (khoảng 50 trang A4 hoặc 12.500 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO8. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

PLO9. Vận dụng chính xác và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

PLO10. Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Nhật tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

PLO11. Sử dụng được 1 ngoại ngữ 2 ở bậc 4/6.

PLO12. Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

2.2. Kỹ năng khác

PLO13. Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

PLO14. Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO15. Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

PLO16. Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

PLO17. Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Nhật, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

PLO18. Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

PLO19. Có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

PLO20. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, , năng động, sáng tạo, có ý thức phục vụ cộng đồng và xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

3.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật Bản định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến ngôn ngữ học Nhật Bản như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Nhật tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Nhật làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Nhật và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện,...

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật Bản định hướng ứng dụng có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học Nhật Bản như biên dịch tiếng Nhật, phiên dịch tiếng Nhật, thiết kế ứng dụng dịch máy, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng, ...

4. Về phẩm chất đạo đức

Học viên khi tốt nghiệp có những phẩm chất sau:

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi.

- Sáng tạo, độc đáo trong công việc.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp;

- Có ý thức về sự phát triển kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp của bản thân, làm chủ quá trình phát triển chuyên môn và nghề nghiệp của bản thân, biết đặt ra những mục tiêu thiết thực và khả thi cho quá trình phát triển chuyên môn, nghề nghiệp và khả năng được tuyển dụng của bản thân;

- Thể hiện hiểu biết sâu sắc về bản chất của kỹ năng nghiên cứu trong các môi trường làm việc khác nhau và các cơ hội phát triển nghề nghiệp trong và ngoài cộng đồng học thuật và nghiên cứu.

- Có kỹ năng quảng bá – truyền thông, kỹ năng, kiến thức, phẩm chất, kinh nghiệm của bản thân trong quá trình xin việc.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Nhật.

- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Nhật, ngôn ngữ đối chiếu Nhật - Việt và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Nhật v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo đã tham khảo chương trình đào tạo của một số trường đại học ở Nhật Bản và khu vực Châu Á, gồm:

- 1) Khung chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ , văn học nghệ thuật của Trường ĐH Tsukuba, Nhật Bản.
- 2) Khung chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ - văn hóa Nhật Bản của Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Nhật Bản.
- 3) Khung chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành giáo dục tiếng Nhật của Trường Đại học Hiroshima, Nhật Bản.

- 4) Khung chương trình đào tạo giáo viên tiếng Nhật bậc thạc sỹ của Trung tâm nghiên cứu Nhật ngữ Bắc Kinh- Trung Quốc.

Mục tiêu và nội dung đào tạo của các cơ sở này về cơ bản phù hợp với chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành ngôn ngữ Nhật. Những chương trình này đã được các quốc gia chấp nhận và đánh giá cao.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ:	61 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung:	09 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành:	27 tín chỉ
+ Bắt buộc:	15 tín chỉ
+ Lựa chọn:	12 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành:	15 tín chỉ
+ Bắt buộc:	09 tín chỉ
+ Lựa chọn:	06 tín chỉ

- | | |
|---|-------------------|
| - Thực tập: | 06 tín chỉ |
| - Học phần tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp: | 09 tín chỉ |

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	9				
32.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành và chuyên ngành		27				
II.1	Các học phần bắt buộc: 5 học phần		15				
33.	OLC6001	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	45	0	0	
34.	OLC6002	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	45	0	0	
35.	OLC6003	Những vấn đề về ngữ pháp tiếng Nhật (Issues in Japanese Grammar)	3	45	0	0	
36.	OLC6004	Từ vựng học tiếng Nhật (Japanese Lexicology)	3	45	0	0	
37.	OLC6005	Phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành tiếng Nhật khoa học (Research Methods and Academic Japanese)	3	45	0	0	
II.2	Các học phần tự chọn: 4 học phần		12/36				
38.	OLC6006	Giao tiếp giao văn hóa Nhật –Việt (Japanese - Vietnamese cross-culture communication)	3	45	0	0	
39.	OLC6018	Nhật Bản học (Japanese Studies)	3	45	0	0	
40.	OLC6020	Nghiên cứu dịch thuật (Research on Translation and Interpretation)	3	45	0	0	
41.	OLC6007	Kỹ thuật nói tiếng Nhật (Japanese Speaking Techniques)					
42.	OLC6008	Kỹ thuật viết tiếng Nhật (Japanese Writing Techniques)	3	45	0	0	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
43.	OLC6015	Tiếng Nhật chuyên ngành (<i>Japanese for Specific Purposes</i>)	3	45	0	0	
44.	OLC6016	Văn học Nhật Bản (<i>Japanese Literature</i>)	3	45	0	0	
45.	OLC6017	Những vấn đề về giáo học pháp tiếng Nhật (<i>Issues in Japanese teaching methods</i>)	3	45	0	0	
46.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
47.	GLE 6001	Giáo dục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
48.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
49.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Designing Your Life</i>)	3	45	0	0	
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành		15				
III.1	Học phần bắt buộc: 3 học phần		9				
50.	OLC6010	Ngữ nghĩa học tiếng Nhật (<i>Japanese Semantics</i>)	3	45	0	0	
51.	OLC6011	Hán tự trong tiếng Nhật (<i>Chinese characters in Japanese</i>)	3	45	0	0	
52.	OLC6013	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học tiếng Nhật (<i>Principles of Phonetics and Phonology of Japanese</i>)	3	45	0	0	
III.2	Học phần tự chọn: 2 học phần		6/15				
53.	OLC6009	Ngữ dụng học tiếng Nhật (<i>Japanese Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
24.	OLC6014	Thành ngữ và thành ngữ học tiếng Nhật (<i>Japanese idioms and idiom studies</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
25.	OLC6019	Tiếng Nhật học thuật (<i>Academic Japanese</i>)	3	45	0	0	
26.	OLC6021	Ngôn ngữ học xã hội Nhật Bản (<i>Japanese Social Linguistics</i>)	3	45	0	0	
27.	OLC6012	Lịch sử tiếng Nhật (<i>History of the Japanese Language</i>)	3	45	0	0	
IV	Thực tập		6				
28.	PJL 6001	Ngôn ngữ học ứng dụng trong thực tiễn (<i>Applied Linguistics in Practice</i>)	3				
29.	PJL 6002	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)	3				
V	OLC7201	Học phần tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp (<i>MA Graduation Course/Project</i>)	9				
		Tổng cộng	61				

